

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG TOPIK 4)
(Đợt 01 năm 2025, 22/03/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 1144/MYH25/VHU/QĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
1	VHU.THB4.01.001	181A150284	Châu Nhut Lan	Anh	25/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.4	4.4	4.5	15.3	5.1	Đậu	
2	VHU.THB4.01.002	181A150156	Huỳnh Lan	Anh	14/05/2000	Bình Thuận	6.6	2.8	1	10.4	3.5	Rớt	
3	VHU.THB4.01.003	201A150208	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.6	5.4	7.8	19.8	6.6	Đậu	
4	VHU.THB4.01.004	181A150269	Lê Thị Ngọc	Ánh	10/11/1999	Thanh Hóa	6.8	5.2	4.3	16.3	5.4	Đậu	
5	VHU.THB4.01.005	191A150052	Bùi Trương Thị Thùy	Dương	24/06/2001	Tây Ninh	6.2	3.6	0	9.8	3.3	Rớt	
6	VHU.THB4.01.006	201A150063	Huỳnh Thị Khánh	Đoan	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.8	3.6	3	13.4	4.5	Rớt	
7	VHU.THB4.01.007	201A150022	Trương Nguyễn Tú	Hào	10/03/2002	An Giang	6.6	4.8	5.5	16.9	5.6	Đậu	
8	VHU.THB4.01.008	191A150144	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.8	1.6	0	7.4	2.5	Rớt	
9	VHU.THB4.01.009	201A150177	Nguyễn Ngọc	Hân	14/09/2002	An Giang	6.6	3.8	2.5	12.9	4.3	Rớt	
10	VHU.THB4.01.010	201A150113	Hồ Thị Thu	Huyền	11/06/2002	Ninh Thuận	6.2	2.4	4	12.6	4.2	Rớt	
11	VHU.THB4.01.011	191A150158	Nguyễn Mai	Hương	03/10/1999	Quảng Ngãi	6.8	3.8	3	13.6	4.5	Rớt	
12	VHU.THB4.01.012	201A150003	Bùi Thị Thu	Lâm	19/04/2002	Bình Dương	5.8	3.8	4.5	14.1	4.7	Rớt	
13	VHU.THB4.01.013	171A150032	Nguyễn Thị	Lệ	11/10/1999	Bắc Giang	6.4	6.4	4.5	17.3	5.8	Đậu	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
14	VHU.THB4.01.014	201A150009	Trần Văn	Long	26/12/2000	Bạc Liêu	5.6	5	3.5	14.1	4.7	Rớt	
15	VHU.THB4.01.015	191A150046	Võ Nguyễn Minh	Luân	02/01/2001	Long An	7	4.4	3	14.4	4.8	Rớt	
16	VHU.THB4.01.016	201A150046	Nguyễn Thị Trà	Mi	31/10/2002	Tây Ninh	6.4	4.6	4	15.0	5.0	Đậu	
17	VHU.THB4.01.017	181A150168	Ngô Thị Tinh	Ngọc	30/07/2000	Cần Thơ	4.4	1.8	0	6.2	2.1	Rớt	
18	VHU.THB4.01.018	201A150190	Nguyễn Đạt Thanh	Nhi	28/08/2002	Tây Ninh	5.4	3.8	2.5	11.7	3.9	Rớt	
19	VHU.THB4.01.019	201A150209	Ka'	Nhim	24/01/2002	Lâm Đồng	6.4	4.8	7.5	18.7	6.2	Đậu	
20	VHU.THB4.01.020	191A150021	Trương Thị Kiều	Oanh	29/08/2001	Tiền Giang	5.8	3.8	3.5	13.1	4.4	Rớt	
21	VHU.THB4.01.021	181A150246	Hồ Thị Thanh	Phương	08/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.4	7.8	10	24.2	8.1	Đậu	
22	VHU.THB4.01.022	191A150131	Nguyễn Ngọc	Phương	06/09/2001	Cần Thơ	6.2	3	10	19.2	6.4	Đậu	
23	VHU.THB4.01.023	201A150059	Trần Thị Tổ	Quyên	06/06/2002	Tây Ninh	5.4	2.8	3.5	11.7	3.9	Rớt	
24	VHU.THB4.01.024	201A150103	Hoàng Thị Ngân	Quỳnh	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.2	3.8	2	11.0	3.7	Rớt	
25	VHU.THB4.01.025	201A150008	Trần Phước	Sang	09/11/2002	Trà Vinh	5.2	3	1.5	9.7	3.2	Rớt	
26	VHU.THB4.01.026	201A150064	Nguyễn In	Su	05/02/2002	Bình Thuận	5.2	4	0	9.2	3.1	Rớt	
27	VHU.THB4.01.027	201A150051	Trần Lê Diễm	Sương	30/05/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.4	4.8	7	19.2	6.4	Đậu	
28	VHU.THB4.01.028	201A150165	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/03/2002	Ninh Thuận	5.4	3.6	1	10.0	3.3	Rớt	
29	VHU.THB4.01.029	181A150006	Phan Vũ Anh	Tuấn	13/08/1996	Đồng Nai	6.4	5.8	4.5	16.7	5.6	Đậu	
30	VHU.THB4.01.030	191A150094	Nguyễn Ngọc	Tuyền	11/03/2001	Tây Ninh	7	6.8	4	17.8	5.9	Đậu	
31	VHU.THB4.01.031	201A150053	Đoàn Phương	Thảo	13/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.4	4.4	4.5	14.3	4.8	Rớt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
32	VHU.THB4.01.032	191A150079	Phạm Vy	Thảo	04/07/2001	Bình Dương	6.4	6.4	4	16.8	5.6	Đậu	
33	VHU.THB4.01.033	191A150048	Võ Ngọc Anh	Thi	03/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.6	2.6	0	9.2	3.1	Rớt	
34	VHU.THB4.01.034	161A150265	Nguyễn Trần Thanh	Thuý	16/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	4.6	4.8	4.5	13.9	4.6	Rớt	
35	VHU.THB4.01.035	201A150169	Huỳnh Nguyễn Bích	Thủy	29/04/2002	Bình Thuận	6.6	4	3	13.6	4.5	Rớt	
36	VHU.THB4.01.036	191A150003	Y Lệ	Trân	30/07/2000	Kon Tum	6.6	6	7	19.6	6.5	Đậu	
37	VHU.THB4.01.037	181A030613	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/07/2000	Đồng Nai	4.8	1.6	1	7.4	2.5	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 37
Số thí sinh dự kiểm tra: 37
Số thí sinh vắng kiểm tra: 0
Số thí sinh đậu: 14
Số thí sinh rớt: 23

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức